

BẢN SỐ: 1112

THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ ngày 29 tháng 10 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /KL-LN-PCTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA

**Kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật về quản lý
rừng đặc dụng, phòng hộ tại Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên
Đông Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh**

Thực hiện Quyết định số 116/QĐ-LN-PCTT ngày 07/6/2024 của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Đông Sơn - Kỳ Thượng và Rừng quốc gia Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh; từ ngày 25/6/2024 đến ngày 11/7/2024, Đoàn Thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành pháp luật về quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ giai đoạn 2020 - 2023 tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Đông Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh (sau đây viết tắt là Khu BTTN Kỳ Sơn - Đông Thượng).

Xét báo cáo Kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật về quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ tại Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Đông Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh ngày 30/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Thành lập Khu BTTN Đông Sơn - Kỳ Thượng

Dự án xây dựng Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Đông Sơn - Kỳ Thượng được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quang Ninh phê duyệt theo Quyết định số 1672/QĐ-UB ngày 22/3/2002 với diện tích là 17.792,00 ha, phân bố trên 5 xã: Đông Lâm, Đông Sơn, Kỳ Thượng, Vũ Oai và Hoà Bình.

Ngày 12/02/2003, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 440/QĐ-UB thành lập Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đông Sơn - Kỳ Thượng trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 13/8/2013, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 2041/QĐ-UBND về việc "Giao 15.593,81 ha đất (không thu tiền sử dụng đất) cho Ban quản lý Khu BTTN Đông Sơn - Kỳ Thượng để bảo vệ, phát triển rừng tại các xã Hòa Bình, Vũ Oai, Đông Lâm, Đông Sơn, Kỳ Thượng.

2. Chức năng, nhiệm vụ

Thực hiện theo Quyết định số 397/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/4/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng,

nhệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ninh.

3. Cơ cấu, tổ chức

Tại thời điểm thanh tra, Ban quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng được giao biên chế 25 người, trong đó: 06 nữ, 19 nam; cơ cấu bộ máy gồm: Ban Giám đốc (02 người), 01 Tổ Khoa học - Kỹ thuật, 01 Tổ Hành chính - Tổng hợp, 04 Trạm bảo vệ rừng. Tổ chức Đảng gồm 01 Chi bộ với 17 đảng viên, cấp ủy chi bộ có 03 đồng chí; 01 Tổ công đoàn; Đoàn viên thanh niên sinh hoạt ghép với 02 đơn vị thuộc lực lượng kiểm lâm đóng trên địa bàn thành phố.

4. Diện tích, hiện trạng các phân khu rừng

Ban quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng được UBND tỉnh Quảng Ninh giao 15.593,81 ha đất (không thu tiền sử dụng đất) tại Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 13/8/2013, nằm trên địa bàn 5 xã: Đồng Sơn, Đồng Lâm, Kỳ Thượng, Vũ Oai, Hoà Bình, thuộc địa giới hành chính thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; trong đó, diện tích đất có rừng: 14.680,15 ha; rừng tự nhiên 14.287,02 ha, rừng trồng 393,13 ha; đất chưa thành rừng 913,66 ha.

Theo Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 về điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 (được phê duyệt tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh), các phân khu chức năng của Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng, gồm có: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là 12.559,02 ha; phân khu phục hồi sinh thái là 2.731,81 ha; phân khu Dịch vụ - Hành chính là 302,98 ha.

5. Khái quát kết quả hoạt động

Kể từ khi thành lập, được sự quan tâm của các cấp, các ban, ngành, Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã được đầu tư nhiều hạng mục cho công tác bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, nên đạt được nhiều kết quả tích cực.

Mặc dù địa bàn là vùng cao, sâu xa đi lại khó khăn; các xã trong vùng dự án chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ nhận thức còn hạn chế, người dân trong khu vực thiếu sinh kế, thiếu đất sản xuất, đời sống còn nhiều khó khăn, phụ thuộc nhiều vào khai thác trực tiếp nguồn tài nguyên rừng, đang đặt áp lực lớn đến Khu BTTN, luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tình trạng khai thác lâm sản trái pháp luật, lấn chiếm đất rừng đặc dụng để sản xuất. Tuy nhiên, thông qua tuyên truyền, triển khai phổ biến giáo dục pháp luật để ổn định đời sống người dân vùng đệm, vì vậy diện tích rừng được bảo vệ tốt, đặc biệt là giữ gìn được hệ sinh thái rừng còn lại rất ít ở vùng Đông Bắc Việt Nam.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Về hiện trạng diện tích quản lý

Qua kiểm tra hồ sơ, Dự án xây dựng Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt theo Quyết định số 1672/QĐ-UB ngày 22/3/2002 với diện tích là 17.792 ha, phân bố trên 5 xã: Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng, Vũ

Oai và Hoà Bình. Toàn bộ diện tích rừng Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng là rừng đặc dụng.

Sau khi tiến hành rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg ngày 05/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ, diện tích và ranh giới Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng được điều chỉnh tại Quyết định số 4903/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh còn 15.637,70 ha.

Ngày 26/7/2013, UBND tỉnh Quảng Ninh có Quyết định số 1885/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng giai đoạn 2013 - 2020, theo đó diện tích còn 15.610,30 ha. Đến ngày 13/8/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2041/QĐ-UBND về việc “Giao 15.593,81 ha đất (không thu tiền sử dụng đất) cho Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng để bảo vệ, phát triển rừng Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng tại các xã Hòa Bình, Vũ Oai, Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng.

(Chi tiết tại biểu số 01, 02 kèm theo)

Tại thời điểm thanh tra, Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng: Đã thực hiện việc cắm mốc phân định ranh giới rừng năm 2009. Tuy nhiên, đến thời điểm thanh tra một số mốc không còn phù hợp với ranh giới khu rừng sau khi đã được điều chỉnh. Tuy nhiên, Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng chưa thực hiện rà soát, cắm lại mốc phân định ranh giới và lập hồ sơ phân định ranh giới theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng tại những vị trí giáp ranh với các chủ quản lý đất, rừng khác.

2. Việc quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan

a) Bảo vệ hệ sinh thái rừng

Theo báo cáo của Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Thông qua công tác tuần tra, kiểm tra địa bàn, đơn vị đã phát hiện và phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện, Công an, Viện Kiểm sát, chính quyền địa phương xử lý 03 vụ vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp, cụ thể:

- Hình sự: 02 vụ (01 vụ có 01 bị can đã bị xử án; 01 vụ đình chỉ điều tra do không truy tìm được thủ phạm);

- Hành chính: 01 vụ.

b) Bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng

Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã tiến hành lập Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm thông qua kết quả điều tra tại “Phương án quản lý rừng bền vững” kết hợp với kết quả của nhiệm vụ khoa học “Xây dựng bộ mẫu vật trưng bày trong Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng”. Đến thời điểm thanh tra, tại Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng có 16 loài động vật và 71 loài thực vật nguy cấp quý hiếm đang được bảo vệ theo Phụ lục 1 về Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ; Danh lục đỏ của Liên minh Tổ chức

bảo tồn thiên nhiên thế giới (*IUCN Red List of Threatened Species*); Sách đỏ Việt Nam năm 2007; Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (*Cites*).

c) Thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng

- Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 01/4/2021 về việc phê duyệt Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Điều 45, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và xây dựng các kế hoạch, cụ thể: Kế hoạch số 10/KH-BQL ngày 01/10/2020 về Phòng cháy chữa cháy rừng mùa hanh khô 2020-2021; Kế hoạch số 10/KH-BQL ngày 26/10/2021 về Phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2021 - 2022 và Kế hoạch số 02/KH-BQL ngày 09/2/2023 về phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2023.

- Đơn vị đã thành lập Đội bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng theo quy định tại Quyết định số 37/QĐ-BQL ngày 25/10/2021 của Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng và triển khai thực hiện.

d) Phòng trừ sinh vật gây hại rừng

Theo ghi nhận tại Báo cáo số 29/BC-BQL ngày 20/6/2024, Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã thực hiện các biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại rừng. Ban lãnh đạo đã giao cho các tổ trạm, viên chức quản lý địa bàn thường xuyên tuần tra, kiểm tra địa bàn để kịp thời phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết khi có dấu hiệu xuất hiện các sinh vật gây hại rừng.

3. Việc khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan

Trong thời kỳ thanh tra Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng không thực hiện việc khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng trên diện tích được giao quản lý.

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập trong rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan

- Các hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện trong giai đoạn 2020-2023: Nhiệm vụ khoa học xây dựng bộ mẫu vật trưng bày trong Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng và Dự án điều tra phân bố hai loài thực vật quý hiếm (Dẻ tùng sọc trắng và Kim giao núi đá) tại Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng.

Hai nhiệm vụ khoa học nêu trên, Ban QLKBTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng tự tổ chức đã thực hiện theo kế hoạch, đề cương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các Đoàn vào nghiên cứu trong Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng:

Theo Báo cáo của Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng, từ năm 2020 đến năm 2023, đơn vị đã đón một số đoàn chuyên gia, thực tập sinh nghiên cứu khoa học từ các viện, trường đại học trong nước, các viện, trường đại học và các tổ chức nước ngoài đến tham quan, nghiên cứu tại Khu bảo tồn...

Các Đoàn vào nghiên cứu trong Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đều có kế

hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập tại khu rừng đặc dụng; các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, thu thập mẫu vật, nguồn gen, vận chuyển, lưu giữ, công bố mẫu vật, nguồn gen thực hiện theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý và sự hướng dẫn, giám sát của chủ rừng; Thông báo cho chủ rừng về kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập.

5 Việc tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan

Sau khi Phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh, đầu năm 2022, Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án du lịch sinh thái. Đến thời điểm thanh tra, Đề án chưa được phê duyệt; vì vậy, việc tổ chức thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng chưa được thực hiện.

6. Về ổn định đời sống dân cư sống trong rừng đặc dụng và vùng đệm của rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan

Diện tích Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng tiếp giáp với 22 thôn thuộc 05 xã Đồng Sơn, Kỳ Thượng, Đồng Lâm, Vũ Oai và xã Hòa Bình. Trong thời kỳ thanh tra, Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng chưa thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 62/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Điều 6 Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Tuy nhiên, thông qua tuyên truyền, tập huấn, Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã triển khai phổ biến giáo dục pháp luật để người dân vùng đệm của rừng đặc dụng hiểu biết, có trách nhiệm hơn trong công tác bảo vệ rừng.

7. Việc quy định hưởng lợi từ khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan

Qua kiểm tra hồ sơ và theo Báo cáo của Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng, trong thời kỳ thanh tra, Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng không có rừng phòng hộ nên không có hoạt động này.

8. Việc sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan

Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng không quản lý rừng phòng hộ nên không có hoạt động sản xuất nông, ngư nghiệp lâm kết hợp trong rừng phòng hộ.

9. Việc quản lý, sử dụng nguồn tiền từ ngân sách nhà nước, dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) để phục vụ công tác quản lý rừng đặc dụng

- Tổng kinh phí được cấp để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng từ năm 2020 đến năm 2023 là 8.553.403.782 đồng.

+ Năm 2020: 1.761.285.000 đồng (kinh phí từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 910.308.000 đồng; DVMTR: 850.977.000 đồng).

+ Năm 2021: 3.063.280.700 đồng (kinh phí từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 600.000.000 đồng; DVMTR: 2.463.280.700 đồng).

+ Năm 2022: 1.676.369.800 đồng (kinh phí từ Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 923.220.000 đồng; DVMTR: 753.149.800 đồng).

+ Năm 2023: 2.052.468.282 đồng (kinh phí từ ngân sách tỉnh: 1.499.000.000 đồng; DVMTR: 553.468.282 đồng).

- Tổng diện tích giao khoán bảo vệ rừng đặc dụng cho các đối tượng trong khu vực từ năm 2020 - 2023 là 52.004,68 ha, trong đó:

+ Năm 2020: 13.528,90 ha (Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 3.077,40 ha; DVMTR: 10.451,50 ha rừng quy đổi, 11.551,67 ha có rừng).

+ Năm 2021: 12.451,50 ha (Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 2.000 ha; DVMTR: 7.713,40 ha rừng quy đổi, 8.527,98 ha có rừng).

+ Năm 2022: 12.582,10 ha (Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 3.077,40 ha; DVMTR: 9.504,70 ha rừng quy đổi, 10.502,60 ha có rừng).

+ Năm 2023: 13.442,18 ha (Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 4.009,28 ha; DVMTR: 9.432,90 ha rừng quy đổi, 10.414,10 ha có rừng).

(Chi tiết tại biểu số 03, 04 kèm theo)

Qua kiểm tra xác suất một số bộ hồ sơ tiếp nhận, sử dụng kinh phí liên quan đến nguồn tiền từ ngân sách, DVMTR trong thời kỳ thanh tra lưu tại Ban quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng, thấy, hồ sơ tương đối đầy đủ, cụ thể:

- Nguồn Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững: có Hồ sơ giao khoán và dự toán kinh phí, Quyết định phê duyệt Hồ sơ giao khoán và dự toán kinh phí khoán bảo vệ rừng hàng năm; Đơn đề nghị nhận khoán bảo vệ rừng, Biên bản họp tổ nhận khoán bảo vệ rừng, Quyết định về việc chỉ định tổ nhận khoán bảo vệ rừng, Hợp đồng nguyên tắc, Biên bản giao nhận khoán, Hợp đồng bảo vệ rừng, Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu khoán bảo vệ rừng, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, Biên bản thanh lý hợp đồng, chứng từ thanh toán.

- Nguồn DVMTR: Có Quyết định phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền DVMTR của tỉnh, Quyết định phê duyệt hồ sơ dự toán kinh phí khoán bảo vệ rừng từ nguồn chi trả DVMTR của Khu Bảo tồn, Báo cáo thuyết minh hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng cung ứng DVMTR các năm; Đơn đề nghị nhận khoán bảo vệ rừng, Biên bản họp tổ nhận khoán bảo vệ rừng, Quyết định về việc chỉ định tổ nhận khoán bảo vệ rừng, Hợp đồng nguyên tắc, Biên bản giao nhận khoán, Hợp đồng bảo vệ rừng, Biên bản nghiệm thu khoán bảo vệ rừng, Biên bản thanh lý hợp đồng, chứng từ thanh toán.

- Hồ sơ thanh quyết toán nguồn trích quản lý phí từ DVMTR đầy đủ, đúng quy định.

Bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại như sau:

**** Chương trình MTPT lâm nghiệp bền vững***

- Theo khoản 2 Điều 2 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban Quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH một thành viên Nông, Lâm nghiệp Nhà nước quy định: “2. Hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp tại địa phương (xã, phường, thị trấn) theo quy định của Luật cư trú năm 2006; cộng đồng dân cư thôn theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 và Luật đất đai năm 2013 nơi có đối tượng khoán (sau đây viết chung là bên nhận khoán)”. Tuy nhiên, một số Hợp đồng khoán bảo vệ rừng, Ban QLKBTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng **khoán cho nhóm hộ** (Hợp đồng số 01/HĐBVR-BTTN ngày 30/8/2020 với nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng xã Đồng Sơn, Hợp đồng số 03/HĐBVR-BTTN ngày 30/8/2020 với nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng xã Kỳ Thượng).

- Hợp đồng bảo vệ số 01/HĐBVR-BTTN ngày 29/7/2021 giữa Ban QLKBTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng với Cộng đồng dân cư thôn Đồng Chùa, xã Vũ Oai; Hợp đồng số 03/HĐBVR-BTTN ngày 22/11/2022 với ông Triệu Tiến Tề xã Đồng Lâm, Hợp đồng số 05/HĐBVR-BTTN ngày 30/8/2020 Cộng đồng dân cư nhận khoán thôn Đồng Chùa xã Vũ Oai, Hợp đồng số 04/ HĐBVR-BTTN ngày 28/7/2023 với ông Triệu Tiến Tề xã Đồng Lâm **phần căn cứ thiếu Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ**.

** Dịch vụ môi trường rừng*

- Theo điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, quy định: “d) Chủ rừng là tổ chức được quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư được trích 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ nêu trên để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng...”. Tuy nhiên, Ban QLKBTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng **đã khoán cho một số nhóm hộ** (Hợp đồng số 02/HĐBVR-BTTN ngày 29/10/2021 với nhóm hộ do ông Thiều Văn Anh làm trưởng nhóm, Hợp đồng số 05/HĐBVR-BTTN ngày 29/10/2021 với Tổ nhận khoán bảo vệ rừng xã Kỳ Thượng do ông Bàn Sinh Lâm đại diện, Hợp đồng số 04/HĐ-BTTN ngày 06/7/2021 với nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng do ông Bàn Ban Khoa đại diện, Hợp đồng số 05/HĐ-BTTN ngày 06/7/2021 với nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng do ông Bàn Sinh Lâm đại diện, Hợp đồng số 02/HĐ-BTTN ngày 25/4/2022 với nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng do ông Thiều Văn Anh đại diện, Hợp đồng số 01/HĐ-BTTN ngày 25/4/2022 với nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng do ông Đặng Dầu Lịch đại diện, Hợp đồng số 03/HĐ-BTTN ngày 28/7/2023 với Tổ nhận khoán bảo vệ rừng do ông Bàn Ban Khoa đại diện, Hợp đồng số 02/HĐ-BTTN ngày 28/7/2023 với Tổ nhận khoán bảo vệ rừng do ông Bàn Sinh Lâm đại diện).

- Biên bản nghiệm thu ngày 23/12/2021 giữa Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng với Tổ nhận khoán do ông Thiều Văn Anh đại diện, Biên bản ngày 21/12/2021 do ông Đặng Dầu Lịch đại diện, xã Hòa Bình; Biên bản ngày 19/12/2021 do ông Triệu Tiến Tề làm đại diện, xã Đồng Lâm, Biên bản ngày

14/12/2021 do ông Bàn Văn Khoa làm đại diện xã Đồng Sơn. Tại mục 5 “Đánh giá các chỉ tiêu nghiệm thu thiếu chữ ký của cá nhân tham gia nhận khoán.

- Biên bản tổng hợp nghiệm thu khoán bảo vệ rừng năm 2021 ngày 27/12/2021 không đóng dấu giáp lai hoặc chữ ký của các thành viên nghiệm thu vào từng trang.

10. Việc xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững

Ban QLKBTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 17/6/2021. Qua kiểm tra, Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng chỉ thực hiện nội dung quản lý bảo vệ rừng, các nội dung khác chưa thực hiện, theo báo cáo của Ban quản lý, nguyên nhân không có vốn để đầu tư thực hiện.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã được sự quan tâm của các cấp, các ban, ngành đầu tư nhiều hạng mục cho công tác bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên để giữ gìn hệ sinh thái rừng tự nhiên còn lại rất ít ở vùng Đông Bắc Việt Nam.

Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng đã xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 theo đúng Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT; Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Điều 45, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện.

Đơn vị đã quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng, vì vậy đã hạn chế tối đa số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

Kinh phí khoán bảo vệ rừng giữa Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng với bên nhận khoán được thanh toán đến các thành viên và có ký nhận của các thành viên trong tổ nhận khoán.

2. Tồn tại

a) Đến thời điểm thanh tra, trong Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng có 34 hộ dân sinh sống tại 4 xã: Đồng Sơn có 22 hộ, Đồng Lâm có 10 hộ, Kỳ Thượng có 01 hộ và Vũ Oai có 01 hộ; ngoài ra, Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng còn tiếp giáp với 29 thôn bản. Tuy nhiên, Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng chưa thực hiện việc rà soát, cắm mốc phân định ranh giới và lập hồ sơ phân định ranh giới theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng tại những vị trí giáp ranh với các chủ quản lý đất, rừng khác.

Trách nhiệm để xảy ra tồn tại trên thuộc về Lãnh đạo Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng từ khi Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT có hiệu lực thi hành.

b) Một số Hợp đồng khoán bảo vệ rừng Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng khoán bảo vệ rừng cho nhóm hộ bằng nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững và tiền DVMTR chưa phù hợp với đối tượng nhận khoán (*hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư*) theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP, điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, qua kiểm tra, xác minh, các hộ nhận khoán bảo vệ rừng trong nhóm hộ cùng ký tên trong hợp đồng, có văn bản ủy quyền người đứng đầu trong nhóm và từng hộ tham gia nhóm bảo vệ rừng đều ký nhận tiền khoán bảo vệ rừng.

Trách nhiệm để xảy ra tồn tại trên thuộc về lãnh đạo Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng.

c) Một số hợp đồng khoán bảo vệ rừng bằng nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững còn một số thiếu sót, cụ thể: Phần căn cứ thiếu Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ.

Trách nhiệm để xảy ra tồn tại trên thuộc về lãnh đạo Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng.

d) Một số Biên bản nghiệm thu tại mục 5 “Đánh giá các chỉ tiêu nghiệm thu thiếu chữ ký của cá nhân tham gia nhận khoán. Biên bản tổng hợp nghiệm thu khoán bảo vệ rừng năm 2021 ngày 27/12/2021 không đóng dấu giáp lai hoặc chữ ký của các thành viên nghiệm thu vào từng trang.

Trách nhiệm để xảy ra tồn tại trên thuộc về lãnh đạo Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng.

IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ vào kết quả thanh tra, những tồn tại, hạn chế nêu ở khoản 2 Mục III trong Kết luận này, Cục Lâm nghiệp kiến nghị một số nội dung như sau:

1. Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc rà soát các quy định, thủ tục, hồ sơ để xử lý các tồn tại được nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận này để tham mưu UBND tỉnh Quyết định phê duyệt Đề án du lịch sinh thái của Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng theo quy định.

2. Kiến nghị với Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ninh

a) Tham mưu UBND tỉnh Quảng Ninh: Quyết định Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng theo quy định.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chủ rừng trên địa bàn tỉnh, phát hiện kịp thời những tồn tại để chấn chỉnh thực hiện đúng các quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

3. Kiến nghị Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ninh

a) Chỉ đạo Ban quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng khắc phục ngay các tồn tại trong Kết luận thanh tra nêu; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng và sử dụng các nguồn tiền được cấp.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chủ rừng trên địa bàn tỉnh, phát hiện kịp thời những tồn tại, vướng mắc cần giải quyết để tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

4. Kiến nghị Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng

a) Thực hiện việc cắm mốc phân định ranh giới và lập hồ sơ phân định ranh giới theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT (hoàn thành trong năm 2025).

b) Hợp đồng khoán bảo vệ rừng thể hiện đúng đối tượng nhận khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP, điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (thực hiện trong kế hoạch năm 2024).

c) Hợp đồng khoán bảo vệ rừng bổ sung thêm: Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ; ghi đầy đủ các thông tin trong các Biên bản nghiệm thu khoán bảo vệ rừng theo quy định (thực hiện trong kế hoạch năm 2024).

d) Tổ chức họp kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan để xảy ra các tồn tại đã nêu ở khoản 2 Mục III trong báo cáo này, xác định rõ nguyên nhân, nghiêm túc rút kinh nghiệm, xử lý theo quy định hiện hành.

Cục Lâm nghiệp đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ninh, Ban Quản lý Khu BTTN Đồng Sơn - Kỳ Thượng và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra và có báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra bằng văn bản gửi về Cục Lâm nghiệp trước ngày 31/12/2024./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ NN&PTNT (để b/c);
- UBND tỉnh Quảng Ninh (để chỉ đạo thực hiện);
- Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ninh;
- BQL Khu BTTN Đồng Sơn-Kỳ Thượng (để thực hiện);
- Các Phó Cục trưởng (để theo dõi, chỉ đạo);
- Các Phòng: PCTT, ĐD,PH (để tham mưu công tác QL rừng ĐD,PH);
- Người soạn thảo: Đoàn Tiến Vinh;
- Văn bản được phép sao chụp theo quy định;
- Lưu: VT, PCTT.



Trần Quang Bảo



Biểu 01: DIỆN TÍCH CÁC PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA BQL KHU BTTN ĐỒNG SƠN - KỶ THƯỢNG
(Kèm theo Kết luận số 13 /KL-LN-PCTT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Cục Lâm nghiệp)

Xã	Diện tích phân khu (ha)		
	BVNN	PHST	DVHC
Đông Lâm	2.795,35	356,93	46,23
Đông Sơn	2.917,31	707,61	23,75
Hòa Bình	2.254,17	0	24,81
Kỳ Thượng	3.183,5	0	18,69
Vũ Oai	1.408,69	1.667,27	189,5
Tổng	12.559,02	2.731,81	302,98



Biểu 02. HIỆN TRẠNG RỪNG CỦA BQL KHU BTTN ĐỒNG SƠN - KỶ THƯỢNG
(Kèm theo Kết luận số 13 /KL-LN-PCTT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Cục Lâm nghiệp)

Xã	Đất có rừng			Đất không có rừng	Tổng diện tích
	Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng		
Vũ Oai	3.036,11	3.014,82	21,29	229,35	3.265,46
Đồng Lâm	2.809,81	2.601,7	208,11	388,7	3.198,51
Đồng Sơn	3.512,72	3.417,79	94,93	135,95	3.648,67
Hòa Bình	2.182,11	2.171,39	10,72	96,87	2.278,98
Kỳ Thượng	3.139,4	3.081,32	58,08	62,79	3.202,19
Tổng	14.680,2	14.287,02	393,13	913,66	15.593,81

**Biểu 03: DIỆN TÍCH, KINH PHÍ KHOẢN BẢO VỆ RỪNG – CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP
BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2020-2023**

(Kèm theo Kết luận số 13 /KL-LN-PCTT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Cục Lâm nghiệp)



STT	Đồng Sơn	Đồng Lâm	Kỳ Thượng	Vũ Oai		Tổng
Năm 2020						
Diện tích (ha)	379.2	354.7	311.1	455	1577.4	3.077.40
Kinh phí	113.623.000	93.747.000	93.218.00	136.500.000	473.220.000	910.308.000
Năm 2021						
Diện tích (ha)					2.000	2.000
Kinh phí					600.000.000	600.000.000
Năm 2022						
Diện tích (ha)	349.67	344.46	286.11		2.097.16	3.077.40
Kinh phí	87.417.500	86.115.000	71.527.500		603.160.000	923.220.000
Năm 2023						
Diện tích (ha)	349.67	344.46	307.37		3.007.78	4.009.28
Kinh phí	104.901.000	103.338.000	91.148.000		777.933.000	1.077.320.000
Tư vấn thiết kế khoản BVR						125.464.000
Bảng tuyên truyền						178.000.000
Hội nghị tuyên truyền, tập huấn						90.335.700
Nhiên liệu						27.880.300

Biểu 04: **DIỆN TÍCH, KINH PHÍ KHOẢN BẢO VỆ RỪNG – CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2020-2023**

(Kèm theo Kết luận số 13 /KL-LN-PCTT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Cục Lâm nghiệp)



STT	Đồng Sơn	Đồng Lâm	Kỳ Thượng	Lịch	Thiều Anh	Tổng
Năm 2020						850.977.000
<i>Quý 4/2019</i>						<i>168.256.000</i>
Kinh phí	310.000	15.090.000	281.000	67.003.000	68.744.000	151.428.000
10% chi phí ql						16.828.000
<i>Quý 1,2,3/2020</i>						<i>682.721.000</i>
Diện tích (ha)	3.492.69	2.724.12	3.146.45	1.070.61	1.117.80	
Kinh phí	83.446.000	49.162.000	75.929.000	208.180.000	213.516.000	630.233.000
10% chi phí ql						52.488.000
Năm 2021						2.463.280.000
<i>Quý 4/2020</i>						<i>172.603.000</i>
Kinh phí	309.000	18.213.000	282.000	67.408.000	69.129.000	155.341.000
10% chi phí ql						17.262.000
<i>Quý 1,2,3/2021</i>						<i>2.290.677.000</i>
Diện tích (ha)	1.894.16	2.724.12	1.721.30	1.070.61	1.117.79	
Kinh phí	439.989.570	660.798.540	443.326.770	255.524.308	261.887.942	2.061.527.130